DONG DUONG
ELEVATOR

CATALOGUE

ELEVATOR

www.dongduongelevator.com

CHUYỂN ĐỘNG NHẸ NHÀNG, BỀN BỈ VỚI THỜI GIAN

Smooth moving, Durable over time.

ĐÔNG DƯƠNG ELEVATOR

Hòa nhịp với xu hướng phát triển mới, Công ty TNHH Thang Máy Đông Dương ra đời và góp phần đẩy mạnh lĩnh vực công nghệ không gian chiều thẳng đứng.

Sau nhiều năm không ngừng nỗ lực, phấn đấu của tất cả các thành viên công ty, thương hiệu Đông Dương Elevator đã nhanh chóng nhận được sự tín nhiệm của quý khách hàng và vinh hạnh là nhà thầu cung cấp lắp đặt thang máy cho nhiều Dự án: Khu thương mại, Khách sạn, Chung cư và Gia đình... trên khắp cả nước.

Tất cả những gì chúng tôi làm đều nhằm mang lại sự trải nghiệm tốt nhất về Sản phẩm và dịch vụ đến với khách hàng.

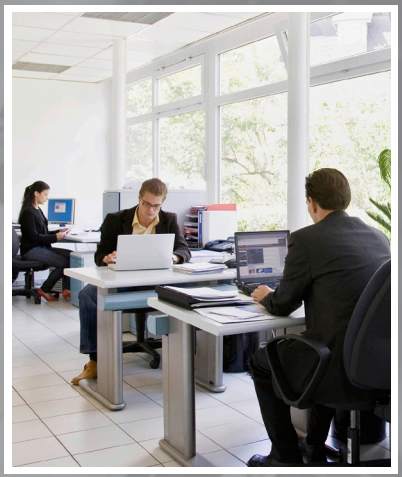

In harmony with the new development trends. Dong Duong Elevartor Co.Ltd established and speeding up the field of Elevator technology. After years relentless efforts of all company's members, Dong Duong Elevator Brand name quickly get the treest of customers and honored as contractor to provide Elevators for several projecls such as commercial centers, hotels, Apartment buildings, private houses ... across the country. Everything we do is to Bring the best products and services to Customer.

DONG DUONG
ELEVATOR

Sản phẩm/Product

- Thang Tải khách / Passenger Elevator
- Thang không phòng máy / Machineroomless Elevartor
- Thang quan sát / Observation Elevator
- Thang tải bệnh / Hospital Bed Elevator
- Thang tải thực phẩm / Dumb waiter
- Thang tải hàng / Freight Elevator
- Thang tải xe / Car Elevator
- Tất cả các linh kiện và phụ tùng thang máy / Elevator Accessories

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

Standard Car Design
Thiết kế tiêu chuẩn

CABIN C-01

Ceiling:	As sample, St.St / mica
Wall:	H.L - Mirror St.St combine
COP:	Stainless steel, Dot Matrix, Indicator, Round Button.
Car Door:	Mirror st.st.
Handrail:	wooden + Round st.st
Floor:	Granite

CABIN C-01

Trần:	Trang trí theo mẫu vật liệu Inox / mica.
Vách:	Inox gương xen kẽ sọc nhuyễn.
Bảng điều khiển:	Bộ phận Inox. Hiển thị Ma trận, Nút nhấn tròn
Cửa:	Inox gương
Tay vịn:	Gỗ + Inox tròn
Sàn:	Đá granite - ghép

Standard Car Design
Thiết kế tiêu chuẩn

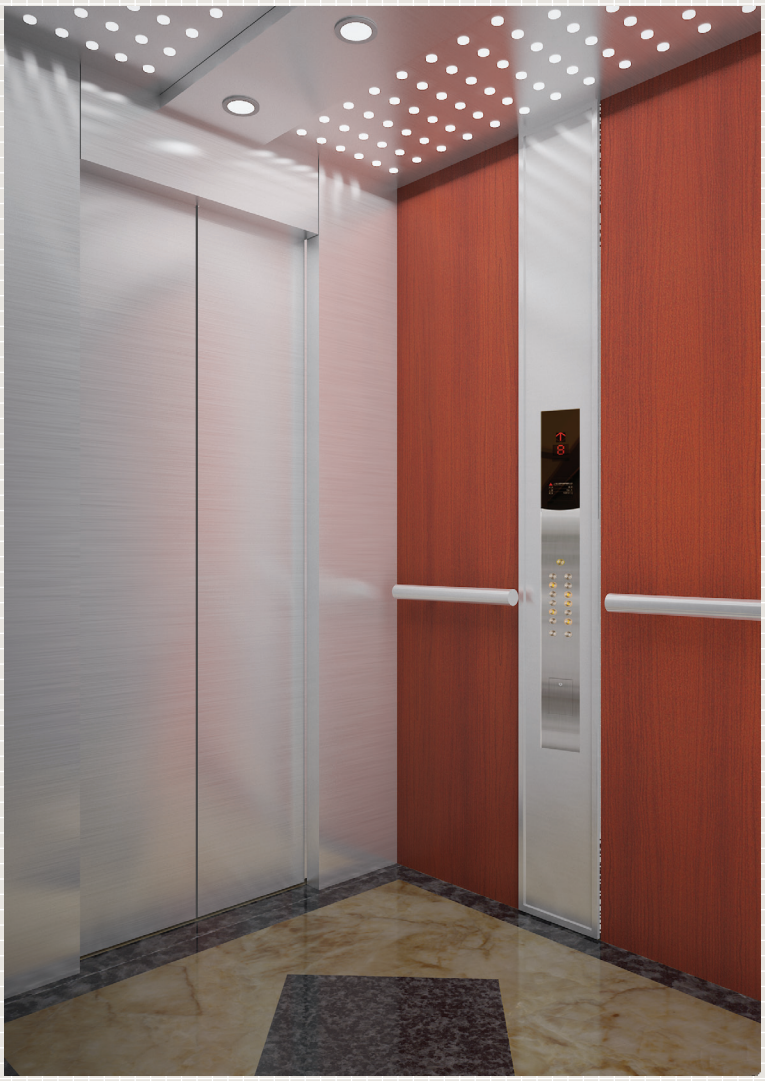

CABIN C-02

Ceiling: As sample
Wall: As sample (middle HL.,Mirror st.st. Combine wooden or laminate)
COP: As Sample
Car Door: HL. st.st.
Handrail: Round st.st
Floor: Granite

CABIN C-02

Trần: Trang trí theo mẫu
Vách: Tấm giữa inox sọc / gương,
Hai tấm ngoài gỗ công nghiệp / laminat giả gỗ
Bảng điều khiển: Theo mẫu
Cửa: Inox sọc nhuyễn
Tay vịn: Inox thanh tròn
Sàn: Đá Granite

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

Luxury Car Design
Thiết kế sang trọng

CABIN C-03

Ceiling:	As sample
Wall:	As sample (wooden / laminate)
COP:	As Sample
Car Door:	Mirror st.st
Handrail:	Flat st.st
Floor:	Granite

CABIN C-03

Trần:	Trang trí theo mẫu
Vách:	Gỗ công nghiệp / laminate giả gỗ
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Cửa:	Inox gương
Tay vịn:	Inox bản dẹp
Sàn:	Đá Granite - ghép

Luxury Car Design
Thiết kế sang trọng

CABIN C-04

Ceiling: As sample
Wall: Mirror st.st. combine Etching pattern st.st
COP: As Sample
Car Door: Mirror st.st
Handrail: As sample
Floor: Granite

CABIN C-04

Trần: Trang trí theo mẫu
Vách: Tấm giữa inox gương, Hai tấm ngoài inox hoa văn
Bảng điều khiển: Theo mẫu
Cửa: Inox gương
Tay vịn: Theo mẫu
Sàn: Đá Granite - ghép

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

CABIN C-05

Ceiling:	As sample
Wall:	HL Etching patern st.st (Middle) combine HL.st.st
COP:	As Sample
Car Door:	HL Etching patern st.st
Handrail:	Flat steel
Floor:	Granite

CABIN C-05

Trần:	Trang trí theo mẫu
Vách:	Tấm giữa inox hoa văn sọc, Hai tấm ngoài inox sọc
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Cửa:	Hoa văn sọc
Tay vịn:	Thanh dẹp
Sàn:	Đá Granite - ghép

Luxury Car Design

Thiết kế sang trọng

CABIN C-06

Ceiling:	As sample
Wall:	HL st.st, Rear wall: HL.st.st, Combine HL. Etching, pattern st.st.(Middle)
COP:	As Sample
Car Door:	HL Etching patern st.st
Handrail:	Flat steel
Floor:	Granite

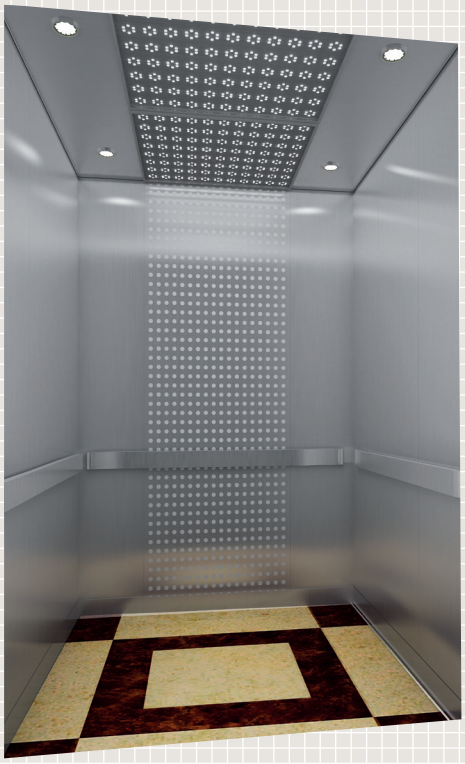

CABIN C-06

Trần:	Trang trí theo mẫu
Vách:	Inox sọc, Tấm giữa vách sau inox hoa văn sọc
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Cửa:	Hoa văn sọc
Tay vịn:	Thanh dẹp
Sàn:	Đá Granite - ghép

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

CABIN C-07

Ceiling:	As sample
Wall:	Front: HL.st.st, Others: powder coating or laminate
COP:	As Sample
Car Door:	Powder coating or laminate
Handrail:	Round st.st
Floor:	Granite

CABIN C-07

Trần:	Trang trí theo mẫu
Vách:	Vách trước inox sọc, Các vách khác sơn tĩnh điện / Tấm laminate
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Cửa:	Sơn tĩnh điện / laminate
Tay vịn:	Thanh inox tròn
Sàn:	Đá Granite - ghép

Luxury Car Design
Thiết kế sang trọng

CABIN C-08

Ceiling:	As sample
Wall:	Front: Mirror.st.st, Others: powder coating or laminate
COP:	As Sample
Car Door:	Etching patern st.st
Handrail:	Flat steel
Floor:	Granite

CABIN C-08

Trần:	Trang trí theo mẫu
Vách:	Vách trước Inox gương, Các vách khác inox hoa văn
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Cửa:	Inox hoa văn
Tay vịn:	Thanh dẹp
Sàn:	Đá Granite - ghép

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

CABIN DDE-09

Ceiling: As sample.
Wall: Mirror st.st (middle), combine wooden/laminate.
Cop: As sample.
Car door Mirror st.st.
Handrail: Wooden + Round st.st.
Floor: Granite.

CABIN DDE-09

Trần: Trang trí theo mẫu.
Vách: Tấm giữa Inox gương, Hai tấm ngoài gỗ công nghiệp/laminate.
Cửa: Inox gương.
Bảng Điều Khiển: Theo mẫu.
Tay vịn: Thanh inox tròn.
Sàn: Đá Granite - ghép

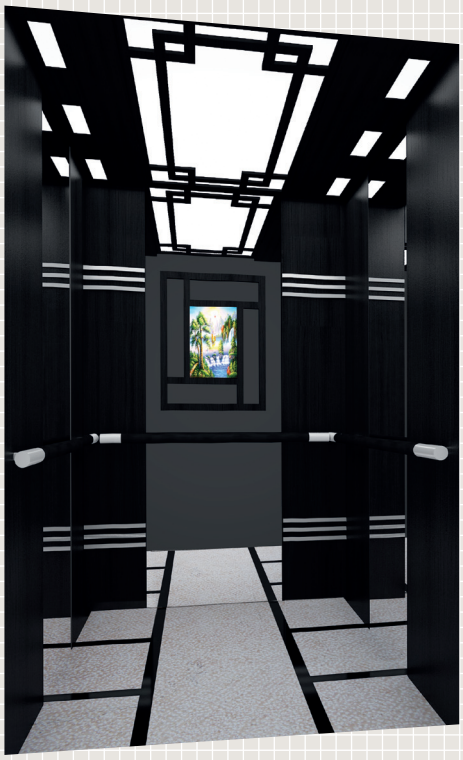

Observation elevator

Thiết kế sang trọng

 Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

Observation elevator

Ceiling:	Mirror stainless steel framework, acrylic lighting strip decoration in the middle.
Car wall:	Mirror stainless steel.
Observation wall:	Tempered safety glass.
Operation panel:	Mirror stainless steel faceplate with the logo of the manufacturer, instructions, digital LED dot-matric display, square/round stainless steel buttons emitting light.
Handrail:	stainless steel tube.
Floor:	Pattern or flat granite.

Thang quan sát

Trần:	Khung Inox gương, đèn chiếu sáng gián tiếp trang trí theo mẫu.
Vách phòng thang:	Inox gương.
Vách quan sát:	Kính cường lực.
Khung bao cabin:	Hợp kim nhôm.
Bảng điều khiển:	Bề mặt bằng Inox gương có in logo nhà sản xuất và các hướng dẫn, hiển thị đèn ma trận, nút bấm hình vuông/tròn, phát sáng khi gọi thang.
Tay vịn:	Thanh Inox tròn.
Sàn phòng thang:	Đá Granite một màu hoặc ghép hoa văn

Ceiling design
Thiết kế mẫu trần

CI-01

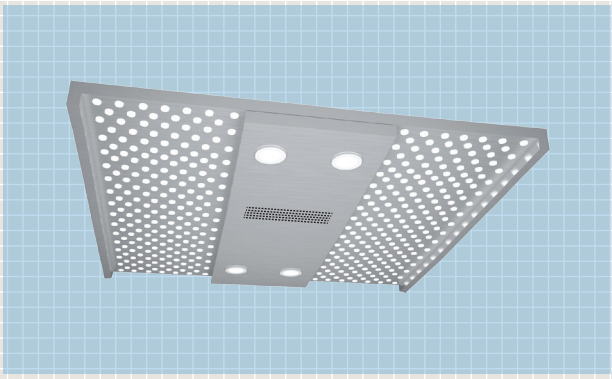

CI-02

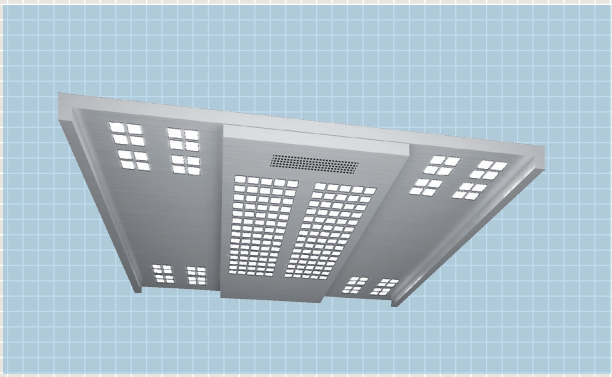

CI-03

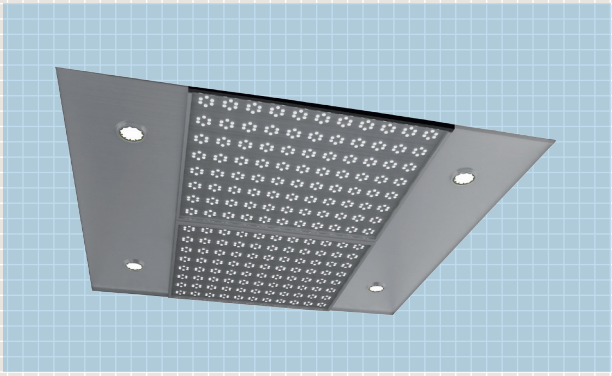

CI-04

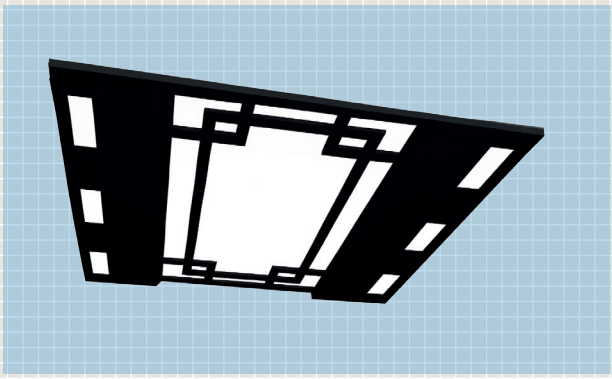

CI-05

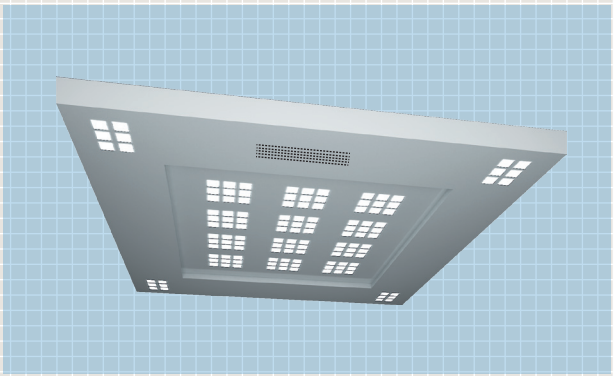

CI-06

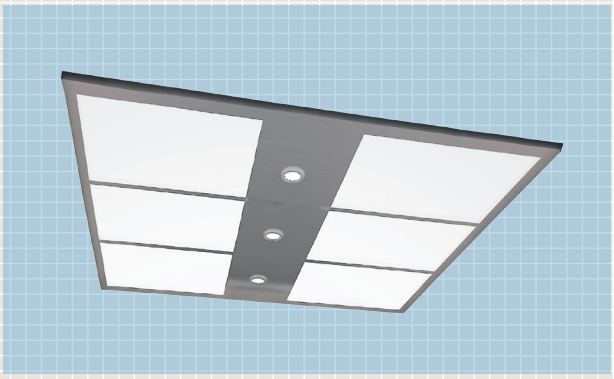

CI-07

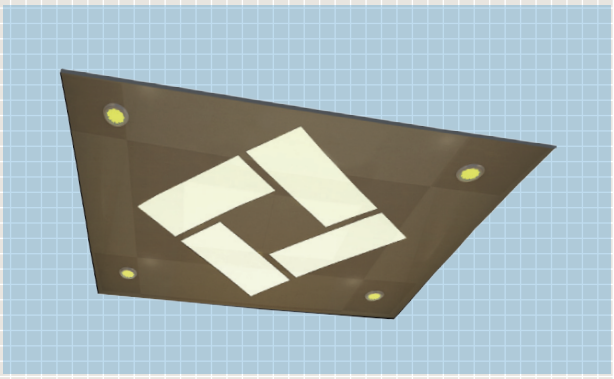

CI-08

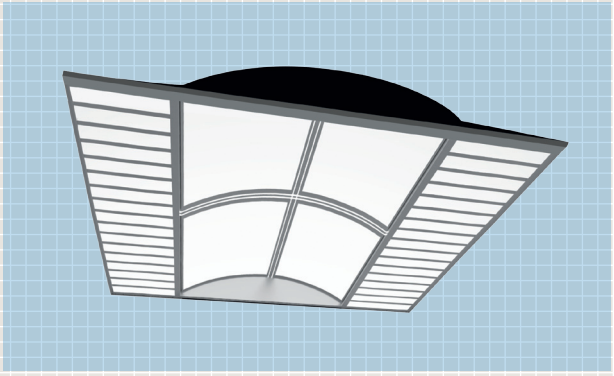

 Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

Floor design
Thiết kế mẫu sàn

FL-01

FL-02

FL-03

FL-04

FL-05

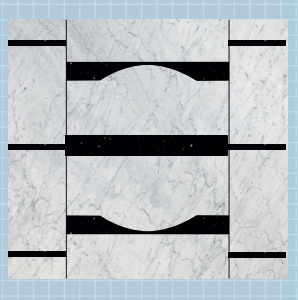

FL-06

FL-07

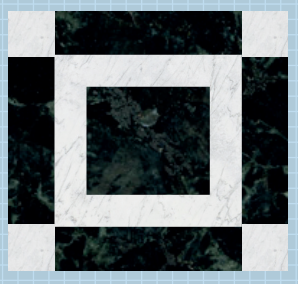

FL-08

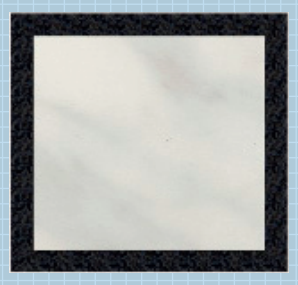

Panel sample
Mẫu vách

Etching pattern St.St / Inox hoa văn

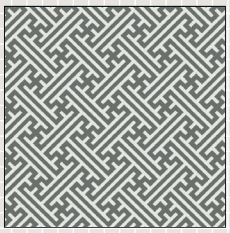
01

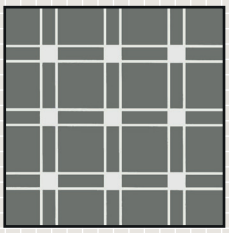
02

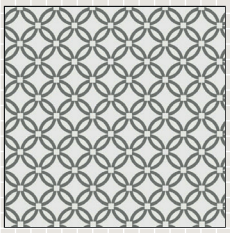
03

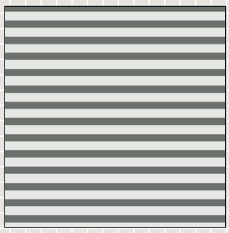
04

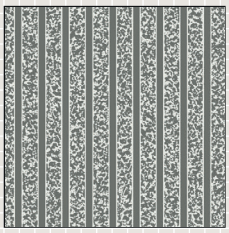
05

Laminate / Gỗ

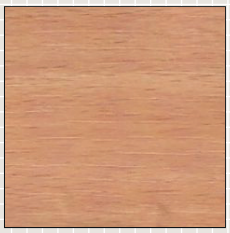
01

02

03

04

05

Powder coating steel / Sơn tĩnh điện

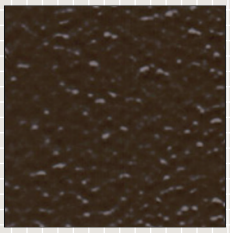
01

02

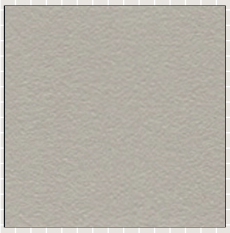
03

04

05

Handrail
Tay vịn

HR01

HR04

HR02

HR05

HR03

HR06

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

Operation Panel
Hộp điều khiển cabin

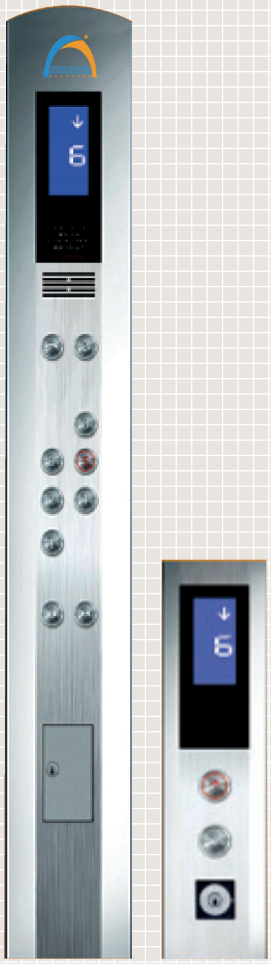

COP - LOP 1

COP - LOP 2

COP - LOP 3

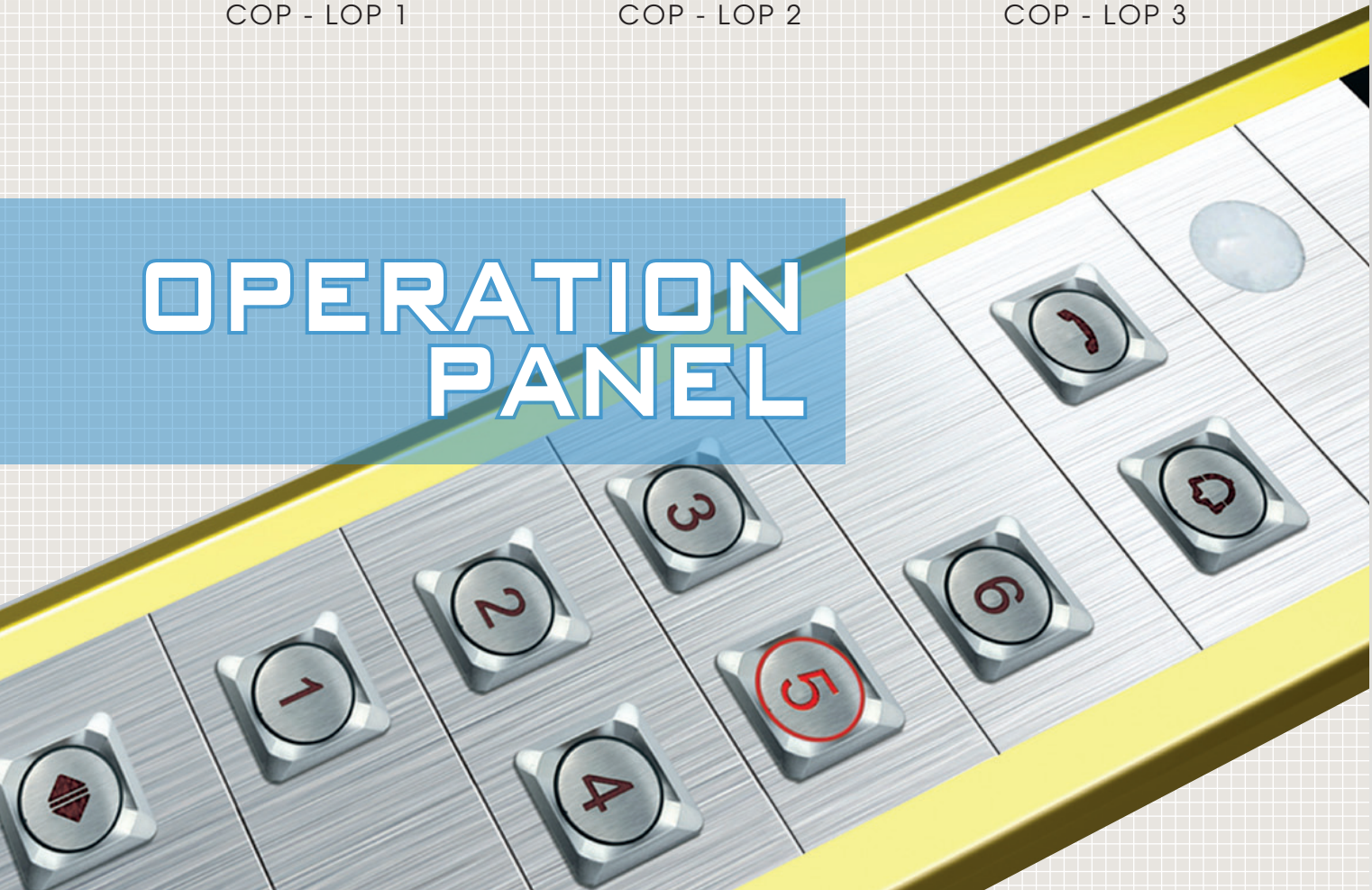

Landing Design
Thiết kế cửa tầng

LD-01
(Khung rộng có tran sum)

LD-02
(Khung rộng có tran sum)

Etching Pattern / Mẫu hoa văn inox

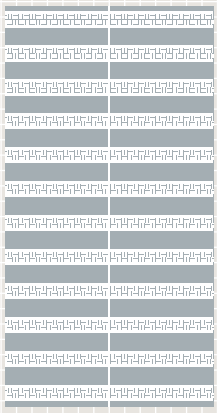

01

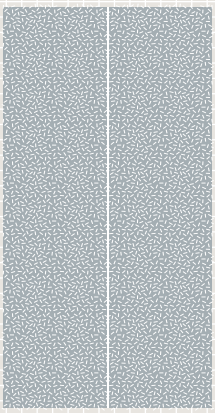

02

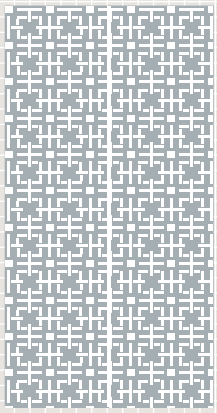

03

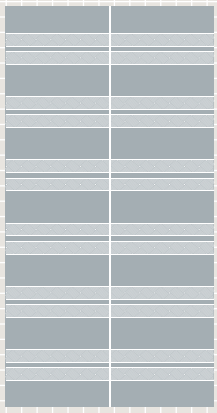

04

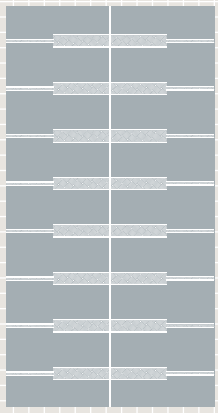

05

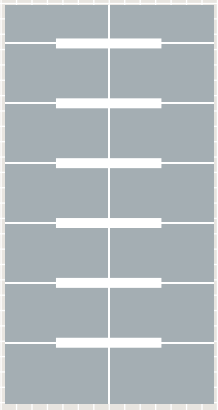

06

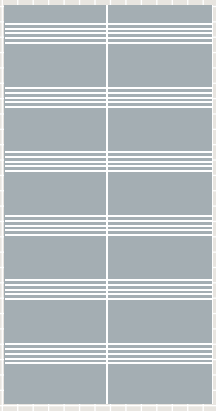

07

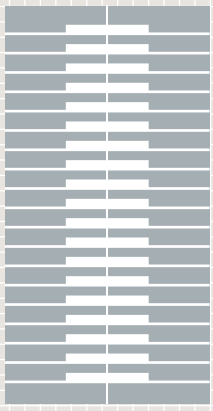

08

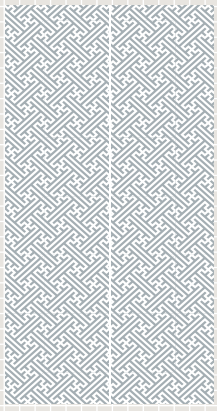

09

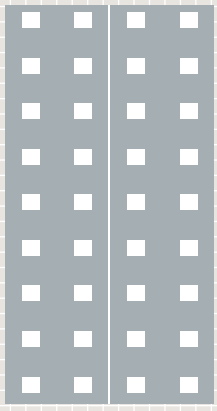

10

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

LD-03
(Khung bao hẹp)

LD-04
(Khung bao hẹp)

LANDING OPERATING PANEL

OH, PIT VÀ CHIỀU CAO PHÒNG MÁY

Tốc độ/Speed	OH	PIT	Chiều cao phòng máy (MH)
mm/phút	mm	mm	mm
30	4300	1500	2200
60	4350	1550	
90	4500	1700	2400

BẢNG THÔNG SỐ KÍCH THƯỚC HỐ THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH / HOSPITAL BED LIFT SPECTFICATION

TẢI TRỌNG/LOAD	PHÒNG THANG/CABIN			HỐ THANG/SHAFT		PHÒNG MÁY/MACHINE ROOM	
Tải trọng	Rộng	Sâu	Chiều rộng cửa	Rộng	Sâu	Rộng	Sâu
Kg	CW	CD	OP	HW	HD	MW	MD
1000	1200	2200	2SO – 1100	2100	2800	2500	4200
1350	1300	2300	2SO – 1200	2200	2900	2600	4300
1600	1400	2300	2SO – 1200	2300	2900	2700	4300

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

OSPITAL BED

DONG DUONG
ELEVATOR

Thang tải giường bệnh

Trần:	Trang trí theo mẫu - Ánh sáng diệu
Vách:	Inox sọc nhuyễn/gương
Cửa:	Inox sọc
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Tay vịn:	Thanh hẹp
Sàn:	Đá Granite ghép

Hospital bed

Ceiling:	As sample - Soft light
Wall:	HL./ Mirror st.st.
Car Door:	HL.st.st
COP:	As sample
Handrail:	Flat steel
Floor:	Granite

FREIGHT ELEVATOR

Tư Vấn Các Giải Pháp Tối Ưu Nhất Cho Việc Nâng Chuyển Hàng Hóa

Freight Elevator

Ceiling:	Direct lighting
Wall:	HL.st.st / powder coating steel
Car Door:	HL.st.st / powder coating steel
COP:	As sample
Handrail:	Wooden / steel Bumper
Floor:	Ribbing steel

Thang tải hàng

Trần:	Chiếu sáng trực tiếp
Vách:	Inox sọc / sơn tĩnh điện
Cửa:	Inox sọc / sơn tĩnh điện
Bảng điều khiển:	Theo mẫu
Tay vịn:	Thanh gỗ chống va/ khung thép chống va
Sàn:	Thép tấm cơ gân chống trượt

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

Car Elevator
Thang tải xe hơi

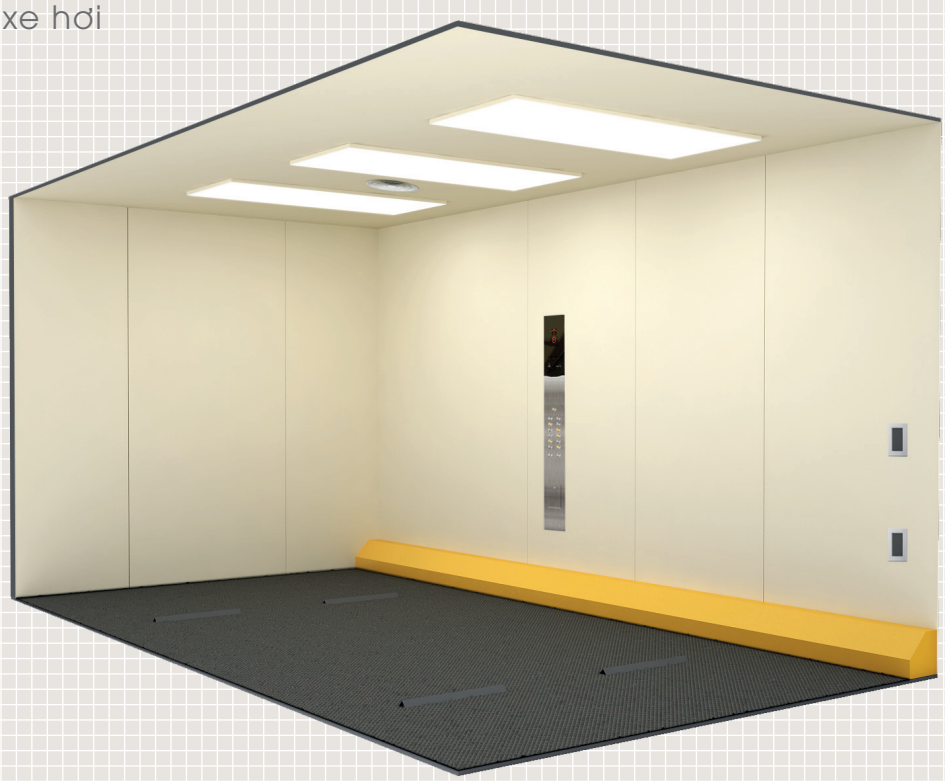

Car Elevator

Ceiling: Direct lighting
Wall: HL.st.st / powder coating steel
Car Door: HL.st.st / powder coating steel
COP: As sample
Handrail: Wooden / steel Bumper
Floor: Ribbing steel

Thang tải xe hơi

Trần: Chiếu sáng trực tiếp
Vách: Inox sọc / sơn tĩnh điện
Cửa: Inox sọc / sơn tĩnh điện
Bảng điều khiển: Theo mẫu
Tay vịn: Thanh gỗ chống va/ khung thép chống va
Sàn: Thép tấm cơ gân chống trượt

Entrance Design
Các kiểu cửa

3 Panel Side Opening Door/
Cửa 2 - 3 Cánh Mở 1 Bên

4 - 6 Panel Center Opening Door/
Cửa 4 - 6 Cánh Mở Tim

2 panel up - side opening door/
Cửa 2 cánh mở lên

Side folding door/
Cửa sắt xếp

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

DUMBWAITER

Dumbwaiter
Thang tải thực phẩm

Cabin

Cửa tầng

MRL Elevator
Thang Không Phòng Máy

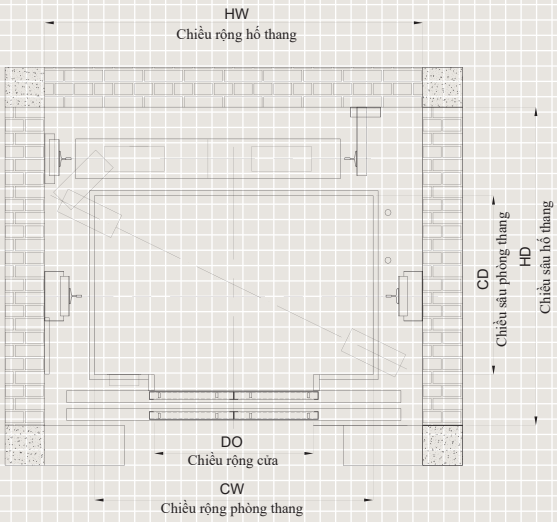

2CO Type Section /
Mặt Cắt Ngang Hố Thang Cửa 2CO

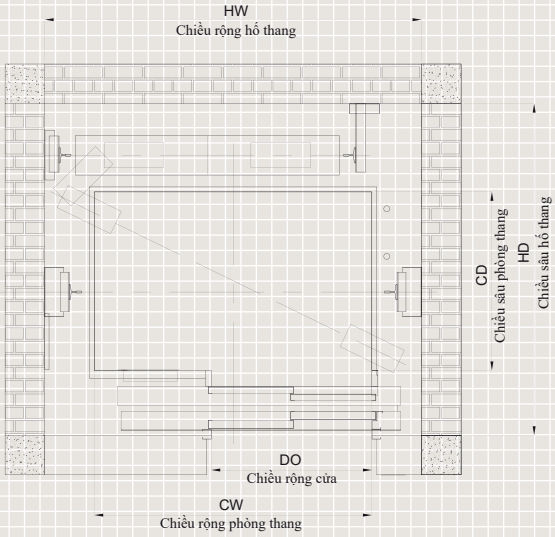

2SO Type Section /
Mặt Cắt Ngang Hố Thang Cửa 2SO

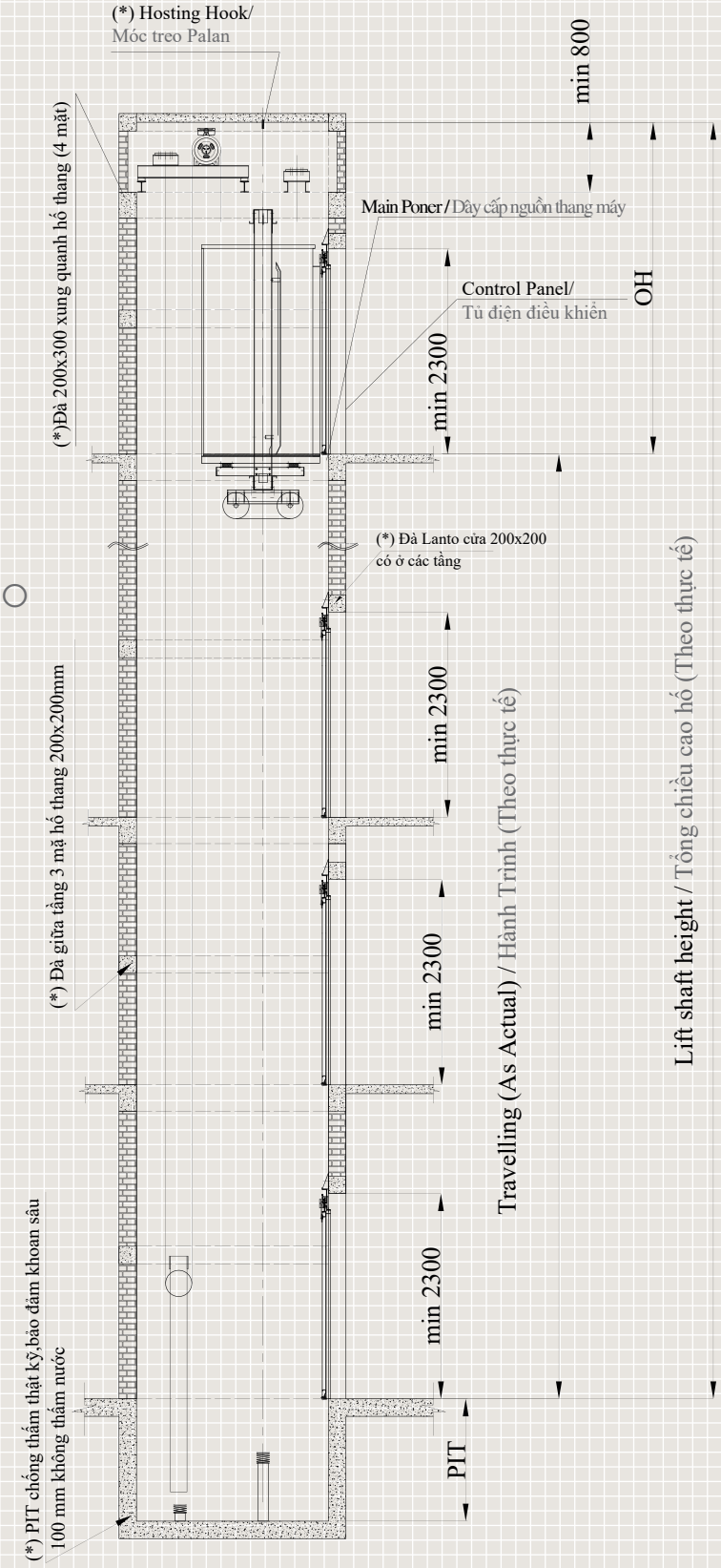

Hình ảnh trong catalog có thể hơi khác với thực tế

MRL Elevator Specification

Bảng Thông Số Kích Thước Hố Thang Không Phòng Máy

CAPACITY/TẢI TRỌNG		CABIN / PHÒNG THANG			LIFT SHAFT / HỐ THANG		
Tải trọng	Số người	Rộng	Sâu	Chiều rộng cửa	Loại	Rộng	Sâu
Kg	P	CW	CD	DO	HT	HW	HD
450	6	1400	900	2CO – 800	CB	1800	1500
					CS	2050	
				2SO – 900	CB	1800	1600
					CS	2050	
550	7	1400	1000	2CO – 800	CB	1800	1600
					CS	2050	1500
				2SO – 900	CB	1800	1700
					CS	2050	1600
600	8	1400	1100	2CO – 800	CB	1800	1700
					CS	2050	1500
				2SO – 900	CB	1800	1800
					CS	2050	1600
700	9	1400	1200	2CO – 800	CB	1800	1800
					CS	2050	1600
				2SO – 1000	CB	1800	1900
					CS	2050	1700
750	10	1400	1300	2CO – 800	CB	1900	1900
					CS	2050	1750
				2CO – 1000	CB	1900	2000
					CS	2050	1850
820	11	1400	1400	2CO – 800	CB	1900	2000
					CS	2050	1800
				2SO – 1000	CB	1900	2100
					CS	2050	1900
900	12	1600	1350	2CO – 900	CB	2100	1950
					CS	2300	1900
				2SO – 1100	CB	2100	2050
					CS	2300	2000
1000	13	1600	1500	2CO – 900	CB	2100	2100
					CS	2300	1900
				2SO – 1100	CB	2100	2200
					CS	2300	2000
1350	16	1800	1600	2CO – 1000	CB	2300	2300
					CS	2500	2100
				2SO – 1200	CB	2300	2400
					CS	2500	2200

OH VÀ PIT

Tốc độ	OH	PIT
mm/phút	mm	mm
60	4200	1600
90	4800	1800

NOTE:
- Dimentions of loft shift CW, CD, HW, HD are on mm.
- Control panel is located on top Floor
- (*): By others

GHI CHÚ:
- Các thông số hố thang CW, CD, HW, HD là mm.
- Tủ điện điều khiển đặt trên tầng trên cùng.
- (*): Khách hàng thực hiện

MR Elevator
Thang Có Phòng Máy

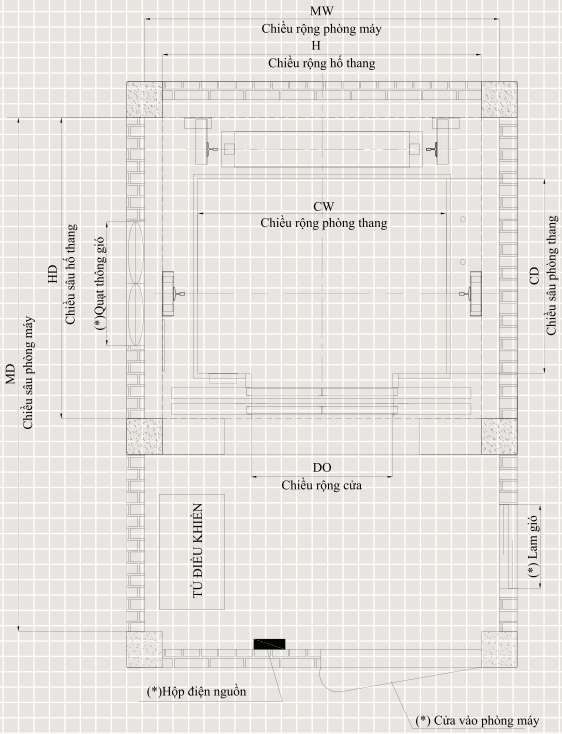

2CO Type Section /
Mặt Cắt Ngang Hố Thang Cửa 2CO

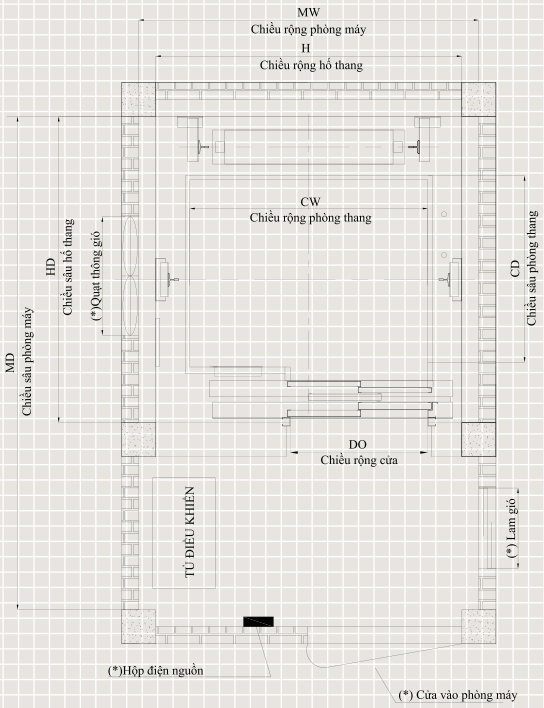

2SO Type Section /
Mặt Cắt Ngang Hố Thang Cửa 2SO

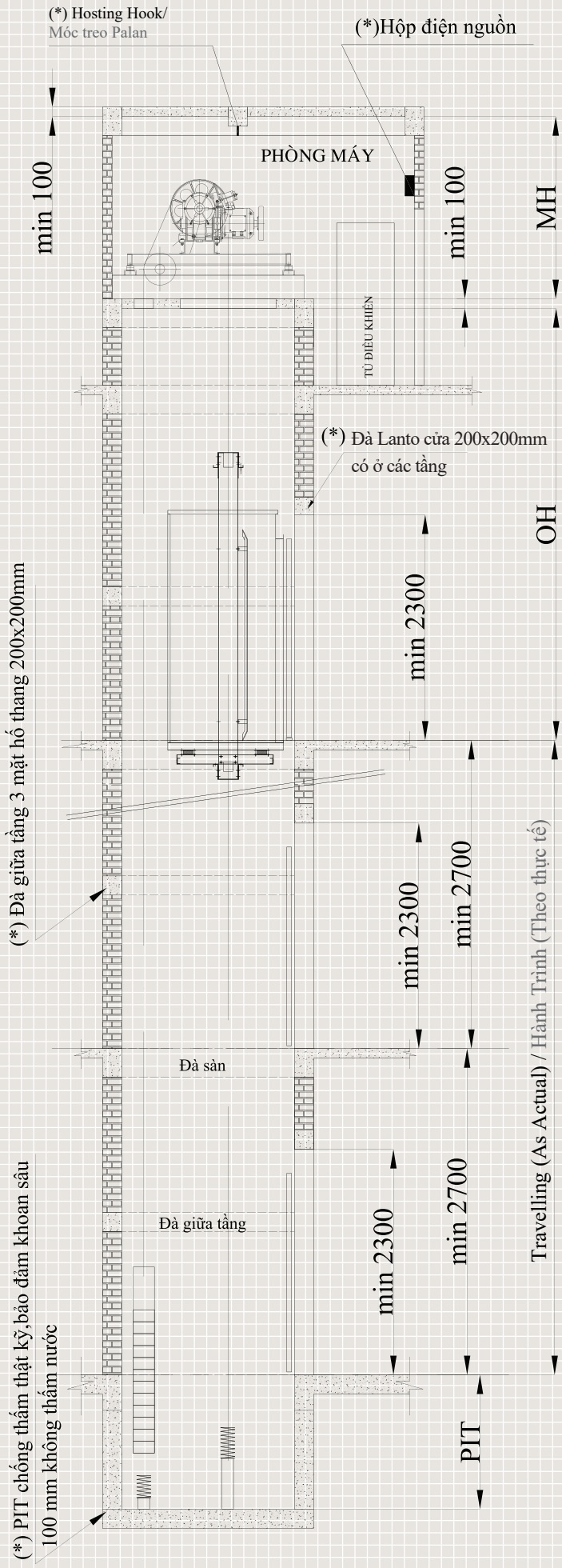

MR Elevator Specification

Bảng Thông Số Kích Thước Hố Thang Có Phòng Máy

CAPACITY/TẢI TRỌNG		CABIN / PHÒNG THANG			LIFT SHAFT / HỐ THANG		MACHINE ROOM/PHÒNG MÁY	
Tải trọng	Số người	Rộng	Sâu	Chiều rộng cửa	Rộng	Sâu	Rộng	Sâu
Kg	P	CW	CD	OP	HW	HD	MW	MD
300	4	1100	900	2CO – 700	1600	1500	1900	2500
				2SO – 800	1500		1700	2800
450	6	1400	900	2CO – 800	1800	1500	2100	2700
		1100	1100	2SO – 800	1500	1800	1700	2800
600	8	1400		2CO – 800	1800	1700	2100	2900
		1100	1300	2SO – 800	1500	2000	1700	2800
700	9	1400	1200	2CO – 800	1800	1800	2100	3000
		1100	1400	2SO – 800	1500	2100	1700	
750	10	1400	1350	2CO – 800	1800	2000	2100	3000
		1200	1400	2SO – 800	1600	2100	1800	3100
820	11	1200	1500	2SO – 800	1600	2300	1800	3300
1000	13	1600	1500	2CO – 900	2000	2100	2300	3500
		1200	1600	2SO – 800	1600	2400	1800	3400
1350	16	1800	1600	2CO – 1000	2300	2300	2500	3300
				2SO – 1000	2500	2100	2700	3100

OH VÀ PIT

Tốc độ	OH	PIT
m/phút	mm	mm
60	4200	1600
90	4800	1800

NOTE:
- Dimensions of lift shaft CW, CD, HW, HD are on mm.
- (*): By others.
- In case of 105-120 MPM speed, please contact with us for futher information.

GHI CHÚ:
- Các thông số hố thang CW, CD, HW, HD là mm và là kích thước min.
- (*): Khách hàng thực hiện.
- Đối với tốc độ 105 - 120 mm/phút: Vui lòng liên hệ với công ty chúng tôi để được tư vấn cụ thể.

Freight Elevator
Thang Tải Hàng

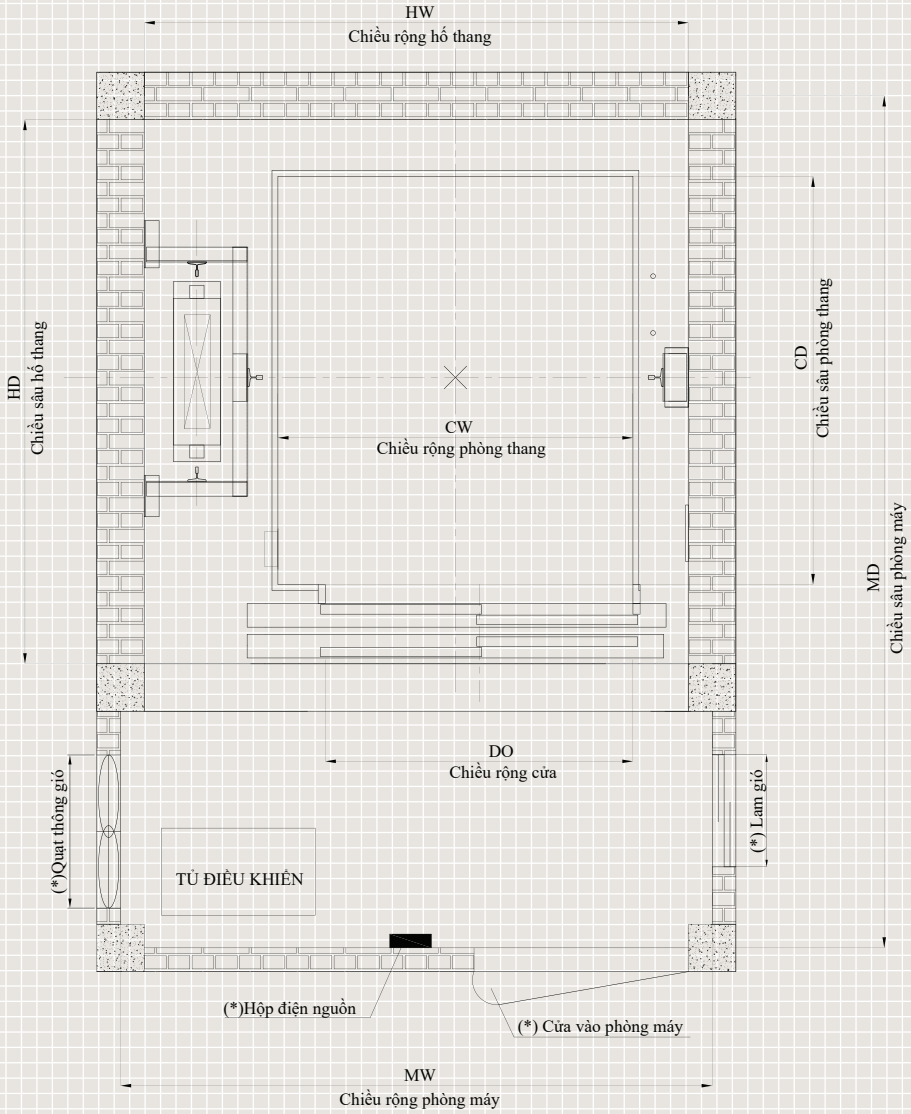

2SO Type Section / Mặt Cắt Ngang Hố Thang Cửa 2SO

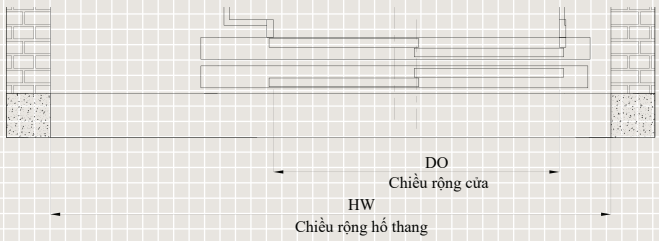

2SO Type / Kiểu Cửa 2SO

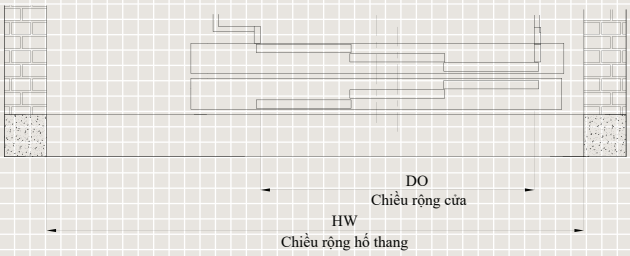

3SO Type / Kiểu Cửa 3SO

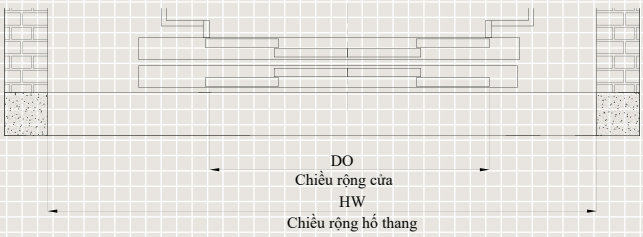

4CO Type / Kiểu Cửa 4CO

Freight Elevator Specification

Bảng Thông Số Kích Thước Hố Thang Tải Hàng

CAPACITY/ TẢI TRỌNG	CABIN / PHÒNG THANG			LIFT SHAFT / HỐ THANG		MACHINE ROOM /PHÒNG MÁY	
Tải trọng	Rộng	Sâu	Chiều rộng cửa	Rộng	Sâu	Rộng	Sâu
Kg	CW	CD	OP	HW	HD	MW	MD
750	1200	1550	2SO (4CO) - 1100	2000	2100	2000	3300
1000	1400	1700	2SO (4CO) - 1200	2100	2200	2100	3400
1350	1500	2000	2SO (4CO) - 1200	2200	2500	2200	3700
1500	1700	2000	2SO (4CO) - 1400	2500	2500	2500	3700
			3SO - 1600	2600	2600	2600	3800
2000	1800	2300	2SO (4CO) - 1500	2700	2800	2700	4000
			3SO - 1700	2800	2900	2800	
2500	2000	2500	2SO (4CO) - 1700	3000	3000	3000	4200
			3SO - 1900	3100	3100	3100	
3000	2000	2900	2SO (4CO) - 1700	3000	3400	3000	4700
			3SO - 1900	3100	3500	3100	
5000	2500	3500	2SO (4CO) - 2100	3700	4000	3700	4300
			3SO - 2400		4100		

OH, PIT & Machine Room Height / Oh, Pit Và Chiều Cao Phòng Máy

Tải Trọng	OH	PIT	Chiều cao phòng máy (MH)
Load	mm	mm	mm
400 - 1350	4200	1500	2200
1500 - 2500	4400	1700	
3000	4500	1800	2400
5000	4700	2000	

NOTE:
- Dimensions of lift shaft CW, CD, HW, HD are on mm.
- (*): By others.
- 4 Co Door Type or any other option, please contact us for futher information.

GHI CHÚ:
- Các thông số hố thang CW, CD, HW, HD là mm và là kích thước min.
- (*): Khách hàng thực hiện.
- Kiểu cửa 4 cánh mở trung tâm & đặc biệt khác, xin vui long liên hệ công ty chúng tôi để được tư vấn cụ thể.

Hospital Bed Elevator
Thang Tải Giường Bệnh

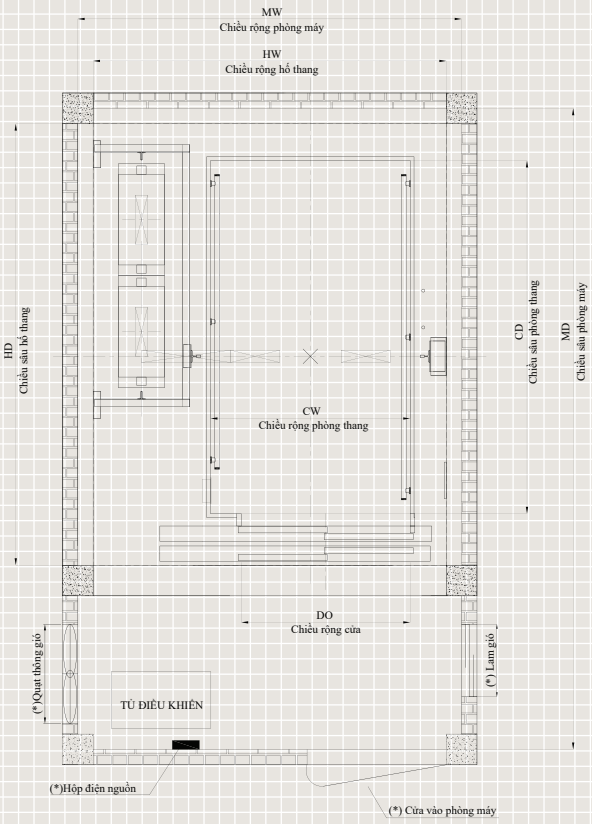

2SO Type Section /
Mặt Cắt Ngang Hố Thang Cửa 2SO

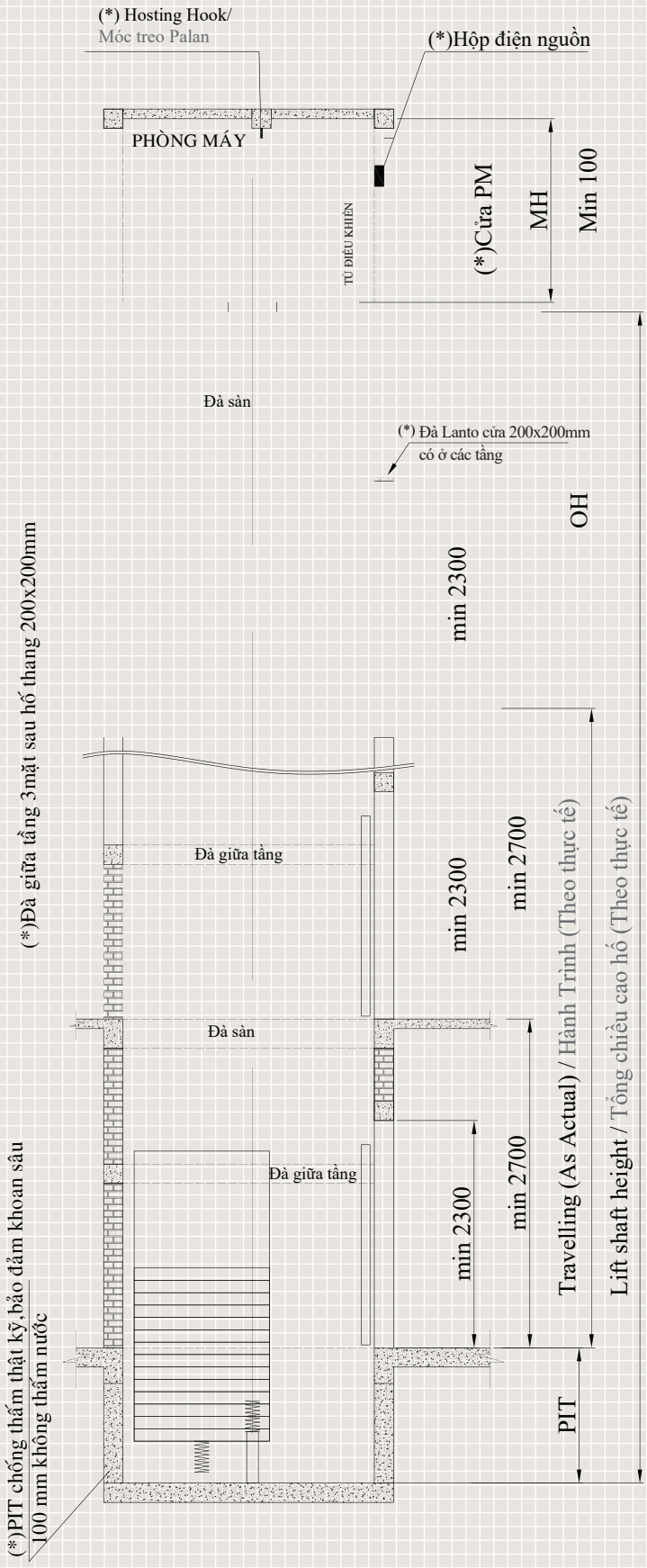

BAO CHE CỬA TẦNG

DDE 101

Option / Lựa chọn

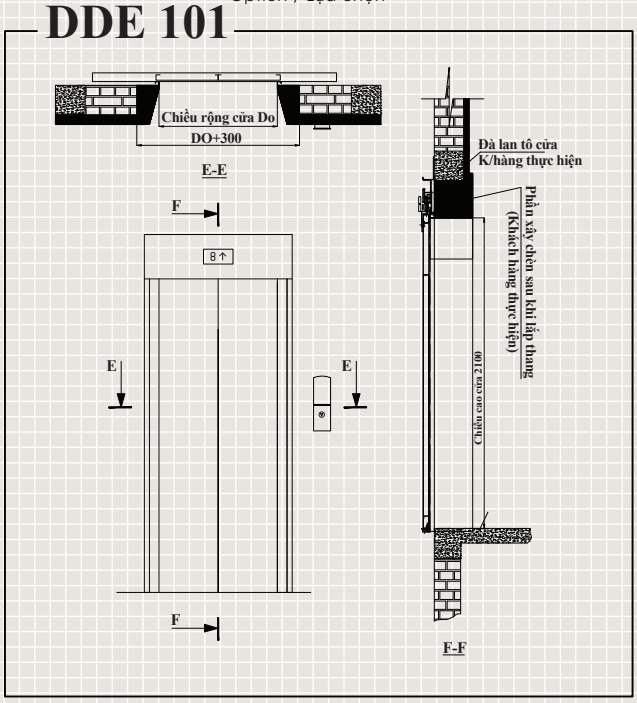

DDE 102

Option / Lựa chọn

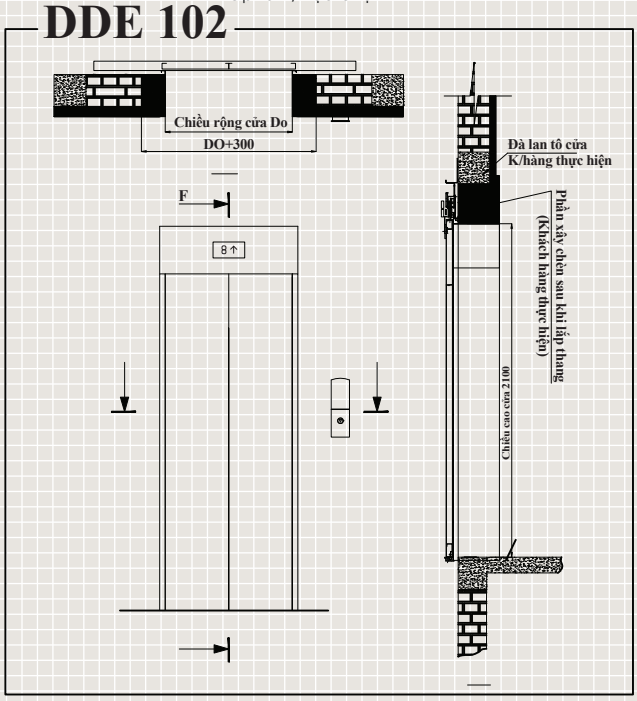

DDE 103

Option / Lựa chọn

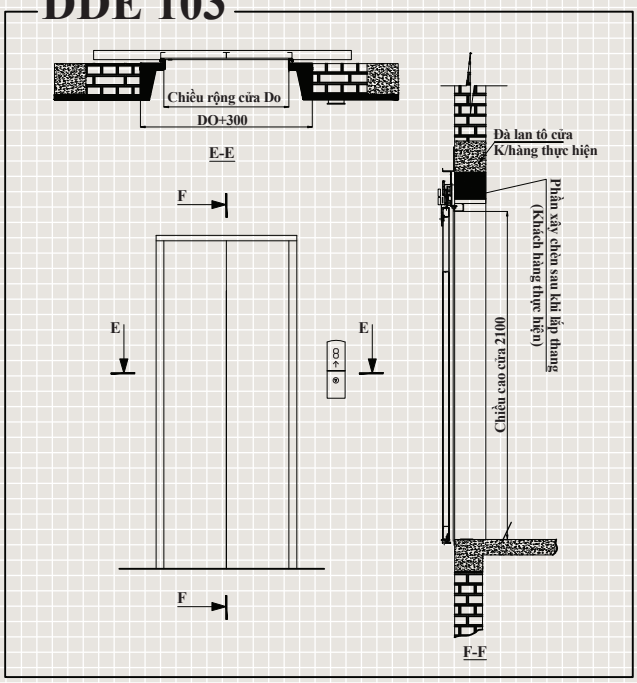

DDE 104

Option / Lựa chọn

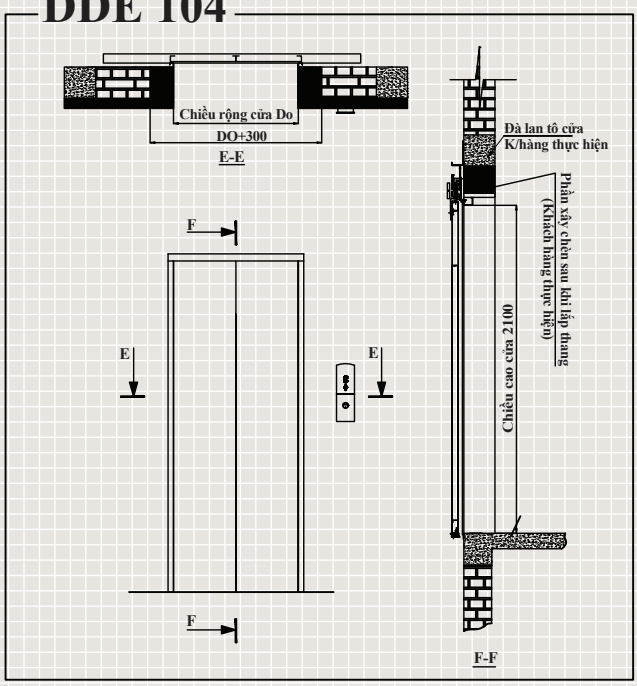

Brick wall / Tường gạch.
(By others) / (Khách hàng thực hiện)

Finishing work after installation
(By others) / Phần hoàn thiện sau khi cửa tầng đã được lắp.
(Khách hàng thực hiện)

DONGDUONG
ELEVATOR

www.dongduongelevator.com

CÔNG TY TNHH THANG MÁY ĐÔNG DƯƠNG
DONG DUONG ELEVATOR CO., LTD
137/1A Bình Quới, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel: (08) 3556 1292 - 3556 1293 - Fax: (08) 3556 2827
Website: www.dongduongelevator.com

VPĐD Khu Vực Miền Tây
29/13 Mạc Đĩnh Chi, Thành Phố
Rạch Giá, Kiên Giang
Tel: 077 3 77 78 79
Fax: 077 3 866 789

Đại Lý Bán Hàng và Bảo Trì Miền Bắc
Sale And Maintennance Agency In North Area
Công Ty TNHH Thang Máy Phương Bắc
Phuong Bac Elevator Company., Ltd
100, Đê La Thành, P. Thổ Quan, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 04 3573 8067 - Fax: 04 3573 8068